TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 01/2022/ KDTM-ST. Ngày 14-02-2022. V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Như Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn Minh;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Sự là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thướng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2021/TLST-KDTM ngày 29 tháng 3 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2021; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: công ty A; địa chỉ: Tòa nhà B, số C, đường D, phường E, quận F, thành phố G. Đại diện theo pháp luật: ông Q - Tổng giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: anh Nguyễn Đào Hà V, sinh năm 1989; địa chỉ: số H, đường I, Phường K, quận R, thành phố M- nhân viên pháp chế (theo văn bản ủy quyền số 16 ngày 22-6-2021)- có mặt.

Bị đơn: ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973; địa chỉ: Khu phố P, phường G, thị xã N, tỉnh Y- chủ hộ kinh doanh Đại lý LT - vắng mặt đã được triệu lệ lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện nguyên đơn anh Nguyễn Đào Hà V trình bày:

Ngày 01-01-2017 Công ty A (sau đây gọi tắt là Công ty) và ông Nguyễn Văn T- chủ hộ kinh doanh Đại lý LT có ký hợp đồng mua bán 274/2017/HĐKT, mua bán phân bón. Theo thỏa thuận, công ty sẽ giao hàng theo số lượng mà đại lý của ông T yêu cầu và sau 30 ngày bên ông T sẽ thanh toán lại tiền hàng cho công ty. Hợp đồng không có ghi thời hạn, khi nào hai bên chấm dứt việc mua bán hàng hóa thì hợp đồng kết thúc. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, khi ông T có nhu cầu đặt hàng sẽ liên hệ với nhân viên bán hàng của công ty để đặt số lượng; sau đó nhân viên sẽ làm giấy ủy quyền nhận hàng cho ông T ký. Sau khi ký giấy ủy quyền, nhân viên sẽ đến kho hàng lấy hàng và giao lại cho đại lý. Khi giao hàng sẽ cho phiếu giao hàng và đại lý ký nhận. Về giá tiền sẽ do nhân viên bán hàng và đại lý trao đổi với nhau. Việc mua bán được thực hiện đến tháng 9-2018 thì đại lý của ông T nợ tiền hàng không thánh toán. Đến ngày 21-9-2018 công ty và ông T có tiến hành đối chiếu công nợ, ông T còn nợ công ty số tiền 327.300.000 đồng. Sau khi đối chiếu công nợ, ông T có hẹn mỗi tháng sẽ trả cho công ty số tiền 30.000.000 đồng nhưng ông T không thực hiện. Đến tháng 12-2019 thì ông T có trả cho công ty được số tiền 40.000.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện công ty yêu cầu ông T trả số tiền 327.300.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng là 10%/ năm từ ngày 21-9-2018 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Nay Công ty thay đổi yêu cầu khởi kiện lại như sau: Công ty chỉ yêu cầu ông T trả số tiền 287.300.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày thể hiện trong hồ sơ: Thừa nhận, ông là chủ hộ kinh doanh đại lý phân bón LT. Ngày 01-01-2017 ông và Công ty A có ký hợp đồng kinh tế mua bán phân bón và ông đã thực hiện việc mua bán phân bón với Công ty nhiều năm liền. Ngày 21-9-2018 ông cùng Công ty có đối chiếu công nợ là đúng. Sau khi đối chiếu công nợ, đến tháng 12-2019 ông có trả cho công ty số tiền 40.000.000 đồng.

Nay ông đồng ý trả Công ty A số tiền 327.300.000 đồng nhưng khấu trừ số tiền 40.000.000 đồng ông đã trả và ông xin được trả dần.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 50, 306 Luật Thương mại 2005; Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng mua bán" của Công ty A đối với ông Nguyễn Văn T. Buộc ông T có nghĩa vụ trả cho ông ty A số tiền 287.300.000 đồng; ghi nhận không yêu cầu tính lãi.

- Về án phí: ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: ông Nguyễn Văn T vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Giữa Công ty A và ông Nguyễn Văn T- chủ hộ kinh doanh Đại lý LT có giao dịch mua bán phân bón thể hiện qua hợp đồng kinh tế và biên bản đối chiếu công nợ nên Tòa án thụ lý loại án kinh doanh thương mại. Đây là quan hệ tranh chấp "Hợp đồng mua bán" được quy định tại Điều 24 Luật thương mại năm 2005.

[3] Xét việc thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện ngày 20-12-2019 Công ty A yêu cầu ông T trả số tiền 327.300.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng là 10%/ năm từ ngày 021-9-2018 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Ngày 03-01-2022 Công ty A có đơn thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện lại như sau: Công ty chỉ yêu cầu ông T trả số tiền 287.300.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Nhận thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của Công ty A không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: qua quá trình làm việc cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận việc hai bên có ký hợp đồng kinh tế số 274/20017/HĐKT ngày 01-01-2017 và quá trình mua bán phân bón giữa hai bên ông Nguyễn Văn T còn nợ lại Công ty A số tiền 327.300.000 đồng theo bản đối chiếu công nợ ngày 21-9-2018 là đúng. Đến tháng 12-2019 ông T có trả cho Công ty được số tiền 40.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 287.300.000 đồng đến nay không trả. Qua làm việc ông T đồng ý trả cho Công ty số tiền 287.300.000 đồng. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T đến Tòa án để tham gia phiên đối chất, phiên họp về việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T đều vắng mặt. Từ đó nhận thấy yêu cầu của công ty là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về yêu cầu trả dần trên số tiền trên, thấy rằng yêu cầu này thuộc giai đoạn thi hành án do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[5] Án phí: ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 50, 306 Luật thương mại; Điều 227, 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A Buộc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho Công ty A số tiền 287.300.000 (hai trăm tám mươi bảy nghìn ba trăm nghìn) đồng.

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn T phải chịu số tiền 14.365.000 (mười bốn triệu ba trăm sáu năm mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả lại Công ty A số tiền 9.099.000 (chín triệu không trăm chín mươi chín nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018276 ngày 09 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng.

4. Quyền kháng cáo: Công ty A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Riêng ông T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hà Như Thủy